|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ QUỐC PHÒNG**  Số: 2235 /BC-BQP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án**

**Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp**

*(Tài liệu phục vụ cho Bộ Tư pháp thẩm định)*

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Kế hoạch xây dựng dự án Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (CNQP, AN và ĐVCN) và quy định về hồ sơ thẩm định dự án Luật tại khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020), Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Công an đã triển khai thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật CNQP, AN và ĐVCN. Bộ Quốc phòng báo cáo kết quả rà soát như sau:

# I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

## 1. Cơ sở pháp lý của việc rà soát

Theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020), một trong các hồ sơ của dự án Luật trình Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) là “Báo cáo về rà soát các văn bản QPPL có liên quan đến dự án, dự thảo”. Việc rà soát các quy định pháp luật được quy định cụ thể tại khoản 5 Điều 2, khoản 1 Điều 144, Điều 145 đến Điều 154 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020) và mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

## 2. Mục đích rà soát

- Thông qua tổng hợp, phân tích, đối chiếu, đánh giá tổng thể và xác định tính đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, phù hợp, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của các quy định pháp luật có liên quan về CNQP, công nghiệp an ninh (CNAN) và ĐVCN.

- Hỗ trợ việc xác định phạm vi điều chỉnh, nội dung của dự án Luật CNQP, AN và ĐVCN trong mối tương quan với các luật có liên quan; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của dự thảo luật so với các văn bản QPPL có liên quan trong hệ thống pháp luật.

## 3. Phạm vi rà soát

Phạm vi rà soát pháp luật về CNQP, CNAN và ĐVCN là các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan Trung ương ban hành đang còn hiệu lực có liên quan đến dự án Luật CNQP, AN và ĐVCN bao gồm 144 văn bản có liên quan đến CNQP, CNAN và ĐVCN đang có hiệu lực thi hành. Trong đó: 17 văn bản liên quan đến chủ trương, đường lối của Đảng, Đề án chiến lược, Quy hoạch về CNQP, AN và ĐVCN(14 Nghị quyết về Đảng, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và 123 văn bản quy phạm pháp luật (Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội; Nghị định của Chính phủ).

*(Chi tiết thể hiện tại Phụ lục I)*

## 4. Phương pháp rà soát

### 4.1. Phương pháp lựa chọn

Hệ thống pháp luật liên quan đến CNQP, CNAN và ĐVCN tương đối nhiều quy định và rải rác trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Do vậy, việc rà soát tập trung vào các quy định qua tổng kết thi hành có vướng mắc, khó khăn, bất cập; những quy định chưa đảm bảo tính phù hợp, đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật và các vấn đề chưa được pháp luật điều chỉnh cụ thể để từ đó xác định cơ sở cho việc xây dựng dự thảo Luật CNQP, AN và ĐVCN.

### 4.2. Phương pháp phân tích, so sánh

Trên cơ sở hệ thống hóa các quy định pháp luật hiện hành, hoạt động phân tích nội dung quy định hiện hành đã được thực hiện; đồng thời với việc so sánh với các quy định của Hiến pháp và các luật có liên quan, qua đó xác định hợp lý hay không hợp lý của các quy định trong pháp luật về CNQP, CNAN và ĐVCN hiện nay và đề xuất phương án xử lý.

## 5. Quá trình triển khai hoạt động rà soát

Hoạt động rà soát đã được thực hiện như sau:

- Bộ Quốc phòng đã ban hành Kế hoạch xây dựng dự án Luật CNQP, AN và ĐVCN trong đó có nhiệm vụ rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan theo đúng quy trình, thủ tục theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Triển khai kế hoạch đã đề ra, Bộ Quốc phòng đã phối hợp với Bộ Công an tiến hành rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật để xác định văn bản, quy định có liên quan đến dự án Luật CNQP, AN và ĐVCN.

- Hoàn thiện danh mục các văn bản, các quy định có liên quan đến CNQP, CNAN và ĐVCN, làm cơ sở phục vụ xây dựng dự án Luật CNQP, AN và ĐVCN.

- Xem xét, đối chiếu, đánh giá phạm vi điều chỉnh, nội dung, quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành với dự án Luật CNQP, AN và ĐVCN.

## 6. Kết quả chung

### 6.1. Về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật được rà soát

Kết quả rà soát cho thấy có 126 văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến CNQP, AN và ĐVCN, bao gồm:

- Hiến pháp: 01 văn bản.

- Bộ luật, luật, pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội: 53 văn bản.

- Nghị định của Chính phủ: 69 văn bản.

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 03 văn bản.

*(Danh mục các văn bản QPPL rà soát tại Phụ lục I kèm theo)*

Về tổng thể, kết quả rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành cho thấy, quy định pháp luật có liên quan đến CNQP, CNAN và ĐVCN rất đa dạng, được đề cập tại nhiều cấp độ văn bản (Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ) trong nhiều lĩnh vực khác nhau, bước đầu có thể phân loại theo các nhóm văn bản như sau:

(1) Các quy định khung về CNPQ, AN và ĐVCN: được ghi nhận tại Điều 68, Điều 89 của Hiến pháp; Điều 4, Điều 12, Điều 32 của Luật Quốc phòng năm 2018; Điều 34 Luật Công an nhân dân năm 2018 bao gồm nội dung cơ bản, mang tính nguyên tắc quy định về vị trí, vai trò, nhiệm vụ của CNQP, AN và ĐVCN, yêu cầu về cơ chế, chính sách cho phát triển CNQP, AN và ĐVCN;

(2) Các quy định trực tiếp về CNQP, AN và ĐVCN: được quy định tại các văn bản do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành: Pháp lệnh Động viên công nghiệp năm 2003; Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng năm 2008. Trên cơ sở đó, Chính phủ ban hành các Nghị định: Nghị định số 132/2004/NĐ-CP ngày 04/6/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Động viên công nghiệp, Nghị định số 46/2009/NĐ-CP ngày 13/5/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng, Nghị định số 63/2020/NĐ-CP ngày 08/6/2020 quy định về Công nghiệp an ninh. Các nội dung của Luật CNQP, AN và ĐVCN cơ bản được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển (có chỉnh sửa, bổ sung) những quy định trong các văn bản này;

(3) Các quy định về xây dựng quy hoạch, kế hoạch liên quan đến CNQP, CNAN: được quy định khung tại khoản 3 Điều 32 Luật Quốc phòng năm 2018; về quy trình, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch được quy định tại Luật Quy hoạch năm 2017, Điều 23, Điều 30 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

(4) Các quy định về quản lý sản xuất quốc phòng, an ninh: Phương thức sản xuất được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 12 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Điều 11 Pháp lệnh CNQP năm 2008, điểm g khoản 2 Điều 8 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá, từ Điều 20 đến Điều 26 Luật Đấu thầu năm 2013; Điều kiện tham gia sản xuất quốc phòng được quy định tại Điều 6, Điều 7 Luật Đầu tư năm 2020, khoản 2 Điều 17 Luật **quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ 2017, Nghị định số 79/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Nghị định số 101/2022/NĐ-CP ngày 08/12/2022 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh**; Bảo đảm sản xuất quốc phòng được quy định tại Điều 7, Điều 15, Điều 16, Điều 30, Điều 31 Luật an toàn, vệ sinh lao động, Điều 10, Điều 28, Điều 29 Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

(5) Các quy định về nguồn lực đảm bảo hoạt động của CNQP, AN:

Về nguồn vốn đầu tư: được ghi nhận tại Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước; khoản 5 Điều 13 Nghị định số 50/2014/NĐ-CP ngày 20/5/2014 của Chính phủ về quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước; Điều 49, từ Điều 59 đến Điều 63 Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động Khoa học và công nghệ, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Về hoạt động khoa học và công nghệ: Nội dung hoạt động khoa học công nghệ được đề cập đến tại Điều 4 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ; Cơ chế, chính sách trong hoạt đông khoa học công nghệ được đề cập tại tại Điều 54 Luật Khoa học và công nghệ, Điều 6 Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động Khoa học và công nghệ, Điều 5, Điều 6, Điều 12 Luật Công nghệ cao năm 2008; Giao quyền sở hữu, quyền tác giả của hoạt động khoa học và công nghệ được đề cập tại Điều 41, Điều 42 Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, Điều 39 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ, Điều 6, Điều 13, từ Điều 36 đến Điều 42 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005;

Về dự trữ vật tư: Danh mục hàng dự trữ quốc gia và phân công quản lý hàng dự trữ quốc gia được quy định tại Điều 21, Điều 27 của Luật Dự trữ quốc gia 2012; Điều 7, Điều 8 Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dự trữ quốc gia. Các quy định về nhập, xuất khẩu hàng dự trữ quốc gia đáp ứng yêu cầu quốc phòng, an ninh và trong tình huống đột xuất, cấp bách được quy định tại Điều 35, Điều 36 của Luật Dự trữ quốc gia năm 2012;

Về đất phục vụ CNQP, AN: Nội dung đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh được quy định tại Điều 36, Điều 41, Điều 61, Điều 148 Luật Đất đai 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2019). Nguyên tắc và chế độ sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế được đề cập tại Điều 3, Điều 4 Nghị Quyết số 132/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội về thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn động trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế và tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết 132/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Về huy động tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoạt động CNQP, AN: được đề cập tại Điều 17 **Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ 2017;** Điều kiện tham gia nghiên cứu, chế tạo, sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh được quy định tại Điều 10 Nghị định số 79/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và từ Điều 6 đến Điều 9 của Nghị định số 101/2022/NĐ-CP ngày 08/12/2022 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng, vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh;

(6) Các quy định về cơ cấu tổ chức CNQP, CNAN: được đề cập đến tại Điều 88, Điều 90 Luật Doanh nghiệp năm 2014, Điều 6 Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 của Chính phủ quy định về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; sửa đổi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

(7) Các quy định về ĐVCN: được đề cập đến tại điểm d Khoản 2 Điều 11 Luật Quốc phòng năm 2018, Pháp lệnh ĐVCN năm 2003, Nghị định số 132/2004/NĐ-CP ngày 04/6/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ĐVCN;

(8) Các quy định về cơ chế, chính sách cho các tổ chức, cá nhân trong hoạt động CNQP, AN: Chính sách đối với doanh nghiệp, người lao động trong doanh nghiệp quốc phòng, an ninh được quy định tại Điều 7 Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 của Chính phủ quy định về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; sửa đổi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp. Chính sách đối với doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh và người lao động tại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh được quy định tại Điều 8 Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023;

(9) Các quy định về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh được đề cập tại một số văn bản như: Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017; Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

(10) Các quy định về các hoạt động khác của CNQP, AN và ĐVCN: gồm 20 văn bản (10 Luật, 10 Nghị định) có dẫn chiếu liên quan đến CNQP, AN và ĐVCN.

(*Nội dung các văn bản được rà soát thể hiện tại Phụ lục II của Báo cáo*)

### 6.2. Đánh giá chung

#### 6.2.1. Ưu điểm

Các văn bản QPPL liên quan đến hoạt động CNQP, AN và ĐVCN đã góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, là cơ sở nền tảng pháp lý để các triển khai, quản lý các hoạt động CNQP, AN và ĐVCN đã đạt được những kết quả quan trọng; tạo nguồn lực và các cơ chế, chính sách phát triển CNQP, AN và thực hiện ĐVCN một cách hiệu quả, góp phần tạo sức mạnh tiềm lực nền CNQP, AN, góp phần hiện thực hóa đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, hướng đến xây dựng CNQP, AN trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, góp phần phát triển kinh tế - xã hội đất nước, củng cố và tăng cường tiềm lực quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

#### 6.2.2. Hạn chế, bất cập chung

Quá trình sự phát triển của xã hội đã và đang đặt ra nhiều yêu cầu đòi hỏi cho thấy hệ thống pháp luật cần có sự điều chỉnh sửa đổi, bổ sung bởi việc thực hiện các văn bản có liên quan đến hoạt động CNQP, AN và ĐVCN còn hạn chế, bất cập, cụ thể là:

##### a) Nhiều quan điểm, chủ trương mới của Đảng về CNQP, AN và ĐVCN chưa được luật hóa

Quy định về CNQP, AN và ĐVCN đã được quan tâm xây dựng, nhưng còn thiếu và chưa thể chế hóa đầy đủ quan điểm mới của Đảng[[1]](#footnote-1), cũng như chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; nhất là các cơ chế, chính sách đặc thù trên các nội dung trọng yếu của CNQP, CNAN như: đào tạo, gìn giữ, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; huy động tiềm lực và đa dạng hóa nguồn lực đầu tư nâng cao tiềm lực cho CNQP, AN; khoa học và công nghệ, sản xuất sản phẩm quốc phòng công nghệ cao; sản phẩm an ninh mạng và sản phẩm chuyên dụng phục vụ an ninh.

##### b) Nhiều quy định về CNQP, AN và ĐVCN ở mức văn bản dưới luật (nghị định, thông tư) là chưa đảm bảo tính phù hợp, khả thi, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn

- Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định*“Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”*. Điều 68 quy định *“Nhà nước phát huy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Nhân dân, giáo dục quốc phòng và an ninh cho toàn dân; xây dựng Công nghiệp quốc phòng, an ninh; bảo đảm trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh; thực hiện chính sách hậu phương quân đội; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sỹ, công nhân, viên chức phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, không ngừng tăng cường khả năng bảo vệ Tổ quốc”.* Tuy nhiên, việc triển khai các hoạt động về CNQP, CNAN, ĐVCN mới chỉ được quy định tại các văn bản dưới luật. Do đó, việc huy động tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ ĐVCN cần được luật hóa trong dự thảo Luật.

- Trong hệ thống pháp luật hiện hành chưa có văn bản có giá trị pháp lý cao[[2]](#footnote-2) (như một đạo luật ngành quy định về CNAN) để tương thích và đáp ứng yêu cầu phát triển CNAN và triển khai đầy đủ, toàn diện các chủ trương, định hướng, chính sách của Đảng và Nhà nước về CNAN.

- Một số quy định của Pháp lệnh CNQP năm 2008, Pháp lệnh ĐVCN năm 2003 còn có nội dung chưa thống nhất và hiện nay không còn phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành[[3]](#footnote-3).

##### b) Quy định về CNQP, AN và ĐVCN còn tản mát trong nhiều văn bản QPPL

* CNQP, AN và ĐVCN bao gồm 03 lĩnh vực có mối liên hệ mật thiết với nhau, nội hàm rộng. Đồng thời, mỗi lĩnh vực lại bao quát nhiều nội dung từ hoạt động khoa học và công nghệ đến sản xuất, chế tạo sản phẩm đưa vào trang bị cho lực lượng vũ trang, nguồn lực đảm bảo rất đa dạng từ yếu tố vốn, đất đai đến nguồn nhân lực,... Mặc dù có nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, tuy nhiên, các văn bản này áp dụng cho từng lĩnh vực cụ thể nên còn tản mát, riêng lẻ, gây khó khăn trong áp dụng thống nhất.

##### c) Một số quy định chưa đầy đủ, chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn

- Một số quy định trong hoạt động CNQP, AN và ĐVCN trong văn bản pháp luật chuyên ngành (Pháp lệnh CNQP, Pháp lệnh ĐVCN) chưa đồng bộ, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật khác. Nội dung này cũng đã được chỉ rõ trong Báo cáo Tổng kết 12 năm thực hiện Pháp lệnh CNQP, tổng kết 15 năm thực hiện Pháp lệnh ĐVCN.

- Các quy định trong văn bản pháp luật chuyên ngành (Pháp lệnh CNQP, Pháp lệnh ĐVCN) đã xuất hiện một số bất cập, chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Một số vấn đề nổi bật là: Thiếu hành lang pháp lý cho doanh nghiệp CNQP, doanh nghiệp CNAN tham gia nghiên cứu, thiết kế, sản xuất sản phẩm công nghệ cao đạt hiệu quả (các quy định về cơ chế sử dụng Quỹ phát triển KHCN để hợp tác với các tổ chức KHCN, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; hướng dẫn đăng ký và chế tài bảo hộ sáng chế mật; quy định về cơ chế đặc thù trong mua sắm vật tư, linh kiện, thiết bị, máy móc phục vụ cho các nhiệm vụ CNQP, AN; quy định để định giá các sản phẩm CNQP công nghệ cao, CNAN mạng); cơ chế giao nhiệm vụ, đầu tư trong ĐVCN chưa đầy đủ và phù hợp, chưa thống nhất với hệ thống pháp luật về ngân sách, đấu thầu, giá, từ đó chưa tạo được động lực để huy động và tận dụng năng lực sẵn có của doanh nghiệp ngoài LLVTND vào sản xuất, sửa chữa vũ khí, trang bị cho Quân đội nhân dân, Dân quân tự vệ; trong quá trình thực hiện có những bất cập nhất định (qua nhiều khâu triển khai, thiếu tính chủ động và kịp thời; hiệu quả thấp và gây lãng phí khi doanh nghiệp sát nhập, chia tách, phá sản, giải thể, đổi mới công nghệ, thay đổi mục đích kinh doanh… dẫn đến không còn khả năng thực hiện nhiệm vụ ĐVCN); việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách để tăng cường quản lý Nhà nước về ĐVCN đã được bổ sung, hoàn thiện, song vẫn chưa đồng bộ; chưa có cơ chế phù hợp, chế độ, chính sách ưu tiên, khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi để huy động tiềm lực công nghiệp quốc gia; quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những tổ chức, cá nhân trong hoạt động CNQP, AN và ĐVCN chưa thực sự rõ ràng, khiến chức năng quản lý nhà nước về CNQP, CNAN và ĐVCN chưa phát huy tối đa hiệu lực trong phối hợp với các bộ, ban, ngành, địa phương tham mưu cho Đảng, Nhà nước về xây dựng và phát triển CNQP, AN và ĐVCN; chưa tạo được sự gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu thiết kế với sản xuất, sửa chữa và với khai thác sử dụng...

- Việc ra đời các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn tạo ra những khoảng trống, mất đi cơ sở pháp lý để triển khai một số hoạt động của CNQP, AN, gây rào cản đối với sự phát triển của CNQP, AN. Chẳng hạn, Pháp lệnh CNQP có đề cập đến quy hoạch CNQP; tuy nhiên Luật Quy hoạch không đề cập đến quy hoạch CNQP, quy hoạch CNAN (trong khi đó theo định hướng CNQP, AN sẽ trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia); điều này tạo ra rào cản về hành lang pháp lý để xây dựng các hoạch định riêng cho phát triển CNQP, CNAN.

- Thiếu quy định cụ thể về điều kiện, cũng như lĩnh vực tham gia của công nghiệp dân sinh vào hoạt động CNQP, AN và ĐVCN. Điều này làm hạn chế khả năng thu hút rộng rãi các thành phần kinh tế dân sinh tham gia SXQP, do yêu cầu về bảo mật các thông tin. Chưa có cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển CNQP, AN và công nghiệp dân sinh theo hướng lưỡng dụng.

- Chưa có quy định phân định nhiệm vụ giữa CNQP và CNAN trong đảm bảo các sản phẩm phục vụ quốc phòng, an ninh; điều này có thể dẫn đến nguy cơ đầu tư dàn trải nguồn lực của Nhà nước cho cùng một mục tiêu quốc phòng, an ninh.

- Một số cơ chế, chính sách trong hoạt động khoa học và công nghệ tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành khó áp dụng vào lĩnh vực CNQP, AN nếu không có sự điều chỉnh, vì lĩnh vực CNQP, AN gắn với yêu cầu bảo mật. Chẳng hạn, tiêu chí chủ trì và tham gia các hội thảo quốc tế hoặc phải có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế đối với nhà khoa học đầu ngành; triển khai quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả đối với các sản phẩm liên quan đến quốc phòng, an ninh.

- Chưa có cơ chế, chính sách ưu tiên đầu tư nguồn lực cho phát triển CNQP, CNAN tạo pháp lý triển khai dành nguồn lực tương xứng với vị trí, vai trò của CNQP, AN trong tạo nên sức mạnh tiềm lực quốc phòng và tham gia phát triển kinh tế - xã hội; chưa có cơ chế, chính sách ưu tiên, ưu đãi đủ mạnh, đủ hiệu quả để thu hút nhân lực chất lượng cao cho phát triển CNQP, AN.

- Chế độ, chính sách đối với lĩnh vực CNQP, AN được quy định tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật nhưng chưa đầy đủ; chưa có những cơ chế, chính sách đột phá, phù hợp để tạo động lực phát triển những lĩnh vực đặc thù của CNQP, AN như lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược.

- Thiếu hành lang pháp lý để thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm, dịch vụ CNQP, AN. Chưa có quy định về thành lập liên doanh trong hoạt động CNQP, AN.

- Trong thời gian tới, tình hình thế giới, khu vực và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ổn định, nhất là bài học kinh nghiệm rút ra từ cuộc xung đột Nga-Ucraina đang diễn ra, đòi hỏi phải nhìn nhận một cách toàn diện về vai trò của CNQP, AN trong tiềm lực sức mạnh quốc gia, khẳng định sự cần thiết phải phát triển năng lực CNQP, AN trong thời bình để chuẩn bị cho tình huống chiến tranh. Tình hình đó đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện đầy đủ cơ sở pháp lý để phát triển CNQP, AN và ĐVCN đáp ứng yêu cầu bảo vệ đất nước trong tình hình mới. Nghiên cứu pháp luật của một số nước trên thế giới cho thấy, nhiều nước đã ban hành đạo luật riêng hoặc các đạo luật liên quan điều chỉnh về CNQP, AN và ĐVCN như: Liên bang Nga; Phi-lip-pin; Hàn Quốc, Trung Quốc… Các đạo luật này đề cập cách thức quản lý và đảm bảo các yếu tố cho sự phát triển CNQP, CNAN, ĐVCN.

# II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT CỤ THỂ

*(Mục này của Báo cáo rà soát được thể hiện theo các tiêu chí được quy định tại mẫu số 01 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP gồm: nội dung rà soát (tiêu đề); căn cứ rà soát (quy định pháp luật hiện hành); đánh giá và đề xuất - các nội dung rà soát được thể hiện chi tiết tại Phụ lục III Báo cáo này).*

## 1. Một số vấn đề về phạm vi điều chỉnh của các văn bản QPPL về CNQP, AN và ĐVCN và khái niệm có liên quan

### 1.1. Về phạm vi điều chỉnh, vị trí của văn bản luật về CNQP, AN và ĐVCN; mối quan hệ giữa pháp luật về CNQP, AN và ĐVCN với pháp luật có liên quan

#### 1.1.1. Quy định pháp luật

Hiến pháp năm 2013 đã quy định *“2. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.”* (khoản 2 Điều 14); *“2. Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân.”* (khoản 2 Điều 45); “*Nhà nước phát huy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Nhân dân, giáo dục quốc phòng và an ninh cho toàn dân; xây dựng Công nghiệp quốc phòng, an ninh; bảo đảm trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh; thực hiện chính sách hậu phương quân đội; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sỹ, công nhân, viên chức phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, không ngừng tăng cường khả năng bảo vệ Tổ quốc*” (Điều 68); Như đã đề cập tại mục I.6.1. ở trên, số lượng văn bản QPPL có liên quan đến lĩnh vực CNQP, AN và ĐVCN tương đối lớn (126 văn bản), thể hiện trong nhiều lĩnh vực khác nhau như quy hoạch, kế hoạch, vốn, đất đai, nhân lực…trong đó có nhiều văn bản ở cấp độ dưới luật.

Phạm vi điều chỉnh của các văn bản có liên quan đến CNQP, AN và ĐVCN được quy định tại Điều 1 Pháp lệnh số 02/2008/PL-UBTVQH12[[4]](#footnote-4), Điều 1 Pháp lệnh ĐVCN năm 2008[[5]](#footnote-5); Điều 1 Nghị định số 63/2020/NĐ-CP[[6]](#footnote-6); Điều 1 Nghị định số 132/2004/NĐ-CP[[7]](#footnote-7); Điều 3, Điều 4 Nghị định số 16/2023/NĐ-CP ngày 25/4/2023 của Chính phủ quy định về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh; sửa đổi quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

#### 1.1.2. Đánh giá

- CNQP, AN có lĩnh vực hoạt động rộng, là ngành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia, vừa thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, vừa tham gia phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Mặc dù một số văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, tuy nhiên, các văn bản này chỉ đề cập đến một hoặc một số khía cạnh của CNQP, AN và ĐVCN nên còn tản mát, riêng lẻ, thiếu vắng một văn bản mang tính bao quát, tổng thể ở tầm luật để áp dụng thống nhất cho CNQP, An và ĐVCN. Hơn nữa, đối với CNAN mới có quy định ở văn bản dưới luật (Nghị định) nên tính pháp lý chưa cao, chưa tương xứng với vị trí và vai trò của ngành CNAN, cần có văn bản pháp lý tầm luật quy định.

- Các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực chuyên ngành có những quy định điều chỉnh một hoặc một số khía cạnh của hoạt động CNQP, AN và ĐVCN. Các quy định này chưa thực sự gắn với đặc điểm đa dạng về đối tượng của CNQP, AN và ĐVCN nên dẫn đến tình huống tuy cùng thực hiện cùng một nhiệm vụ trong hoạt động CNQP, AN và ĐVCN nhưng các đối tượng khác nhau (doanh nghiệp quốc phòng, an ninh; đơn vị sự nghiệp công lập) lại chịu sự điều chỉnh bởi các quy định khác nhau trong quá trình triển khai.

- Thực tế nêu trên đòi hỏi việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật về CNQP, AN và ĐVCN phải đảm bảo đồng bộ, không xung đột, mâu thuẫn với quy định của pháp luật liên quan, đảm bảo sự tương thích với các cam kết trong điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

#### 1.1.3. Đề xuất

Quy định về CNQP, AN và ĐVCN cần được ghi nhận ở cấp độ văn bản luật. Việc xây dựng văn bản cấp độ luật về CNQP, AN và ĐVCN đòi hỏi phải rà soát kỹ lưỡng các văn bản QPPL có liên quan để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về CNQP, AN và ĐVCN. Theo đó, trong bối cảnh hệ thống pháp luật hiện hành đã có quy định liên quan điều chỉnh CNQP, AN và ĐVCN, dự án Luật CNQP, AN và ĐVCN không thay thế các Luật hiện hành mà sẽ bổ khuyết vào những khoảng trống pháp luật, bổ sung những quy định phù hợp với tính đặc thù của ngành, lĩnh vực, tạo hành lang pháp lý cho phát triển CNQP, AN và ĐVCN. Cụ thể:

- Có quy định về điều khoản áp dụng pháp luật theo hướng Luật CNQP, AN và ĐVCN ghi nhận trường hợp pháp luật đã có quy định liên quan đến hoạt động CNQP, AN và ĐVCN cụ thể thì áp dụng quy định của pháp luật đó. Ngoài ra, văn bản luật về CNQP, AN và ĐVCN sẽ có các quy định dẫn chiếu áp dụng pháp luật trong các hoạt động cụ thể.

- Có quy định về điều khoản áp dụng pháp luật theo hướng Luật CNQP, AN và ĐVCN được áp dụng:

+ Để điều chỉnh các vấn đề luật khác chưa quy định;

+ Điều chỉnh các quy định cho những trường hợp đặc thù của CNQP, AN và ĐVCN, mà những quy định hiện hành khi áp dụng chưa phù hợp.

- Nghiên cứu kỹ lưỡng để xây dựng quy định về điều khoản thi hành luật; xác định rõ ràng điều khoản nào của Luật khác có liên quan hết hiệu lực thi hành.

### 1.2. Về khái niệm “Vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược”

#### 1.2.1. Quy định pháp luật

Luật Quốc phòng, Luật Quản lý**, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ,** Pháp lệnh ĐVCN đã có đề cập đến khái niệm “vũ khí”, “vũ khí quân dụng” “trang bị”. Chưa có khái niệm “vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược”.

#### 1.2.2. Đánh giá

Khái niệm vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược được đề cập rất nhiều trong các nghiên cứu và văn kiện của Đảng. Tuy nhiên, trong các văn bản luật về quốc phòng, an ninh chưa được đề cập. Để nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược cần có nguồn lực lớn, có cơ chế, chính sách tương ứng. Vì vậy, cần thiết đưa khái niệm này vào Luật CNQP, AN và ĐVCN.

#### 1.2.3.Đề xuất

Để làm rõ tính đặc thù của công nghiệp quốc phòng theo tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 20/01/2022, cần đưa khái niệm vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược do công nghiệp quốc phòng nghiên cứu, sản xuất để làm cơ sở xây dựng các chính sách đặc thù cho công nghiệp quốc phòng.

### 1.3. Về khái niệm “Tổng công trình sư”

#### 1.3.1. Quy định pháp luật: Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/05/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ đã có đề cập đến tiêu chí “nhà khoa học đầu ngành”. Chưa có khái niệm “tổng công trình sư”.

#### 1.3.2. Đánh giá: Khái niệm tổng công trình sư được đề cập trong các văn kiện của Đảng. Tuy nhiên, trong các văn bản luật về quốc phòng, an ninh chưa được đề cập. Đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh, nhiều nước trên thế giới có chức danh “tổng công trình sư”.

#### 1.3.3. Đề xuất: Bổ sung khái niệm “tổng công trình sư” và quy định về cơ chế, chính sách, thẩm quyền cho tổng công trình sư để đảm bảo thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, tạo hàng lang pháp lý để phát triển nhân tố có khả năng tạo đột phá trong phát triển vũ khí trang bị kỹ thuật.

### 1.4. Về một số khái niệm khác: Tùy thuộc phạm vi điều chỉnh, văn bản luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp cần có một số khái niệm quan trọng như “sản phẩm quốc phòng, an ninh”,“sản phẩm động viên công nghiệp”, “dây chuyền động viên công nghiệp”,“dịch vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh”...

## 2. Về triển khai các hoạt động công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh, động viên công nghiệp

### 2.1. Về xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan đến công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp

#### 2.1.1. Quy định pháp luật

- Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định rõ về trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch[[8]](#footnote-8).

- Luật Quy hoạch năm 2017 quy định nguyên tắc, trình tự, thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch, nội dung quy hoạch ngành quốc gia (Điều 4, Điều 7, Điều 14, Điều 25).

*-* Luật Quốc phòng năm 2018 quy định trách nhiệm của Chính phủ[[9]](#footnote-9); nguyên tắc xây dựng quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tại điểm b khoản 2 Điều 15[[10]](#footnote-10); quy hoạch, kế hoạch và xây dựng hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng, an ninh[[11]](#footnote-11).

- Luật Công an nhân dân năm 2018 quy định về việc Nhà nước có chính sách, cơ chế đặc thù xây dựng và quy hoạch phát triển công nghiệp an ninh (khoản 2 Điều 34). Theo đó, Nghị định số 63/2020/NĐ-CP quy định nguyên tắc, căn cứ, nội dung chương trình, kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh (Điều 18).

- Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng năm 2008 quy định nguyên tắc, căn cứ, nội dung, thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng tại các Điều 12, Điều 13; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư về công nghiệp quốc phòng (Điều 14).

#### 2.1.2. Đánh giá

- Trong danh mục quy hoạch ngành quốc gia của Luật Quy hoạch năm 2017 đã đề cập Quy hoạch hệ thống cơ sở công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng. Tuy nhiên, tại danh mục quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành chỉ đề cập đến quy hoạch các công trình quốc phòng, khu quân sự, không đề cập đến quy hoạch công nghiệp quốc phòng; Quy hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng đã được quy định trong Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng năm 2008.

- Hiện nay, chưa có quy định tại các văn bản luật về quy hoạch công nghiệp an ninh.

- Chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục trong lập thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch mang tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.

#### 2.1.3.Đề xuất

- Bổ sung quy hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng trong danh mục quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành và là cụ thể hoá của quy hoạch các hệ thống công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng trong danh mục quy hoạch ngành quốc gia để đảm bảo phù hợp với thực tiễn yêu cầu nhiệm vụ và đồng bộ với hệ thống pháp luật.

- Đề xuất đưa vào văn bản Luật quy hoạch quy định về quy hoạch hệ thống các công trình an ninh, khu công an, kho phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, công nghiệp an ninh trong danh mục quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh trong danh mục quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành để đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển công nghiệp an ninh.

- Cần hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục trong lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch làm cơ sở triển khai; các quy định về phê duyệt quy hoạch, kế hoạch cần đảm bảo phù hợp thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền.

### 2.2. Về phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng

*a) Quy định pháp luật*

- Hiến pháp năm 2013 quy định *“Nhà nước phát huy tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của Nhân dân, giáo dục quốc phòng và an ninh cho toàn dân; xây dựng Công nghiệp quốc phòng, an ninh; bảo đảm trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh; thực hiện chính sách hậu phương quân đội; bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sỹ, công nhân, viên chức phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, không ngừng tăng cường khả năng bảo vệ Tổ quốc.”* (Điều 68).

- Luật Quốc phòng năm 2018 quy định về chính sách của Nhà nước về quốc phòng tại khoản 6 Điều 4[[12]](#footnote-12); quy định nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân tại điểm c, điểm i khoản 2 Điều 7[[13]](#footnote-13); quy định công nghiệp quốc phòng an ninh tại khoản 2 Điều 12[[14]](#footnote-14).

- Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 quy định tổ chức, doanh nghiệp ngoài Bộ Quốc phòng, Bộ Công an khi có đủ điều kiện được tham gia nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí (khoản 2 Điều 17).

- Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng năm 2008 quy định điều kiện, thủ tục tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng tại khoản 2, khoản 3 Điều 10[[15]](#footnote-15).

*b) Đánh giá*

- Hiện nay, chưa có chính sách khuyến khích phát triển CNQP theo hướng lưỡng dụng. Các dự án đầu tư mới cơ bản chỉ đáp ứng được yêu cầu sản xuất vũ khí, trang bị phục vụ quốc phòng, chưa có đánh giá, dự báo sâu sắc các yếu tố về khả năng sản xuất hoặc chuyển đổi để sản xuất phục vụ nhu cầu dân sinh. Đây là một hạn chế trong việc tận dụng năng lực đã được đầu tư của cơ sở CNQP để phát triển sản phẩm kinh tế phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Trong quy hoạch các ngành chưa chú trọng lồng ghép kết hợp bổ sung tiềm lực cho CNQP, AN; các dự án đầu tư của Nhà nước cho công nghiệp dân sinh, chưa xem xét, đánh giá nhu cầu của CNQP, AN khiến việc huy động công nghiệp dân sinh vào cung ứng các sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh chưa hiệu quả, đồng thời chưa thể đóng vai trò giúp CNQP, AN trở thành mũi nhọn tạo sự đột phá cho công nghiệp quốc gia như quan điểm của Đảng.

- Việc tham gia hoạt động kinh tế của doanh nghiệp quốc phòng đã được quy định ở một số văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng năm 2008 chưa quy định rõ ràng về hoạt động làm kinh tế của doanh nghiệp công nghiệp quốc phòng; chưa quy định danh mục công nghệ lưỡng dụng khuyến khích đầu tư để thúc đẩy nghiên cứu, phát triển sản phẩm lưỡng dụng.

- Chưa có chính sách ưu đãi đủ mạnh để thu hút doanh nghiệp dân sinh tham gia nghiên cứu, sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh.

*c) Đề xuất*

- Cần có cơ chế quy định việc tham gia hoạt động làm kinh tế của doanh nghiệp công nghiệp quốc phòng, doanh nghiệp an ninh theo đúng chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng.

- Cần có cơ chế phát huy tối đa hiệu quả vốn đầu tư và năng lực của các dây chuyền quốc phòng, an ninh trong phục vụ nhu cầu dân sinh. Tạo cơ sở pháp lý để huy động tối đa năng lực sản xuất, công nghệ của các thành phần kinh tế công nghiệp dân sinh trong nước, cũng như hợp tác quốc tế cho phát triển CNQP, AN lưỡng dụng, trong đó hoàn thiện quy định về phương thức liên doanh, liên kết giữa CNQP, AN với doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang.

- Quy định trong Luật cho phép các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế của công nghiệp dân sinh tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh; quy định phạm vi, lĩnh vực hoạt động công nghiệp quốc phòng, an ninh mà công nghiệp dân sinh tham gia.

- Quy định các chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp vay vốn để đầu tư sản xuất, nghiên cứu phát triển sản phẩm, công nghệ lưỡng dụng; quy định các điều kiện nội địa hóa sản xuất, chuyển giao công nghệ lưỡng dụng đối với các hợp đồng nhập khẩu sản phẩm quốc phòng, an ninh; chính sách đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tiếp nhận chuyển giao công nghệ lưỡng dụng được sử dụng phục vụ quốc phòng, an ninh.

- Cần xây dựng danh mục công nghệ lưỡng dụng phục vụ công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh; danh mục sản phẩm lưỡng dụng được khuyến khích phát triển.

***2.3. Về triển khai sản xuất quốc phòng, an ninh thông qua hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu***

*a) Quy định pháp luật*

- Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 quy định về nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ quân dụng (khoản 2 Điều 35); quy định về nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp (khoản 2, khoản 3 Điều 37).

- Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng năm 2008 quy định hoạt động của cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt (khoản 1 Điều 8); quy định về đặt hàng quốc phòng (Điều 11).

- Nghị định số 63/2020/NĐ-CP quy định hoạt động của cơ sở công nghiệp an ninh (khoản 1 Điều 9); quy định về cơ chế đặt hàng, giao kế hoạch, giao nhiệm vụ và ủy thác nhập khẩu hàng hóa phục vụ an ninh (Điều 12).

- Nghị định số 16/2023/NĐ-CP quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh và kiểm tra, giám sát doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh (Điều 12).

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (khoản 4 Điều 2, Điều 6).

*b) Đánh giá*

Hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ trong sản xuất quốc phòng, an ninh còn quy định chung chung, chưa rõ trường hợp áp dụng đối với từng hình thức.

*c) Đề xuất*

Cần quy định rõ trường hợp áp dụng hình thức giao nhiệm vụ, đấu thầu, đặt hàng trong sản xuất quốc phòng, an ninh đảm bảo thống nhất, tạo cơ chế tự chủ cho các đầu mối quản lý.

**3. Về huy động nguồn vốn cho xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh**

*a) Quy định pháp luật*

- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định về nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước (Điều 8).

- Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng năm 2008 quy định về nguồn vốn đầu tư phát triển công nghiệp quốc phòng (Điều 16).

- Nghị định số 63/2020/NĐ-CP quy định chính sách đối với cơ sở công nghiệp an ninh (Điều 11) và nguồn vốn đầu tư phát triển công nghiệp an ninh (Điều 15).

- Nghị định số 50/2014/NĐ-CP quy định về phạm vi sử dụng Quỹ dự trữ ngoại hối (Điều 13).

*b) Đánh gíá*

- Nguồn vốn đầu tư cho công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh đã được quy định tại các văn bản luật. Tuy nhiên, chưa có cơ chế ưu tiên bố trí ngân sách đảm bảo huy động đủ vốn để phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh. Thiếu cơ chế đảm bảo tính ổn định, lâu dài cho các dự án, chương trình phát triển CNQP, AN. Đặc biệt cho một số lĩnh vực đặc thù của CNQP cần huy động nguồn vốn đầu tư rất lớn như nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược (tên lửa, máy bay chiến đấu không người lái và có người lái, Bom có điều khiển,…).

- Việc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài ngân sách để xây dựng, phát triển CNQP, AN nhằm giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước còn nhiều vướng mắc, bất cập như: Công tác đầu tư tương đối dàn trải, thiếu tập trung, không đồng bộ, thống nhất với mục tiêu phát triển chung của ngành; cơ chế, chính sách hợp tác, liên doanh, liên kết giữa CNQP, AN với các thành phần kinh tế không tạo được sức hút.

*c) Đề xuất*

- Cần quy định cơ chế, chính sách bố trí ngân sách nhà nước bảo đảm cho phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

- Có cơ chế huy động các nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước để xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

- Cho phép sử dụng quỹ dự trữ ngoại hối cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án đặc thù, mang tính chiến lược, đột phá, công nghệ cao trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh.

**4. Về huy động tổ chức, doanh nghiệp tham gia sản xuất quốc phòng, an ninh**

*a) Quy định pháp luật*

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp (Điều 7, Điều 8).

- Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) quy định về bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp (Điều 35).

- Nghị định số 87/2015/NĐ-CP quy định về các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp (Điều 28); quy định căn cứ đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp (Điều 29) và nội dung giám sát doanh nghiệp (Điều 33).

- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP quy định về bảo toàn vốn của doanh nghiệp nhà nước (Điều 22).

- Nghị định số 63/2020/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ phục vụ công nghiệp an ninh (Điều 14).

- Nghị định số 79/2018/NĐ-CP quy định về điều kiện tổ chức, doanh nghiệp ngoài lực lượng vũ trang nhân dân tham gia nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí (Điều 10); trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp được nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sửa chữa vũ khí (Điều 11)

- Nghị định số 101/2022/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh quân trang, quân dụng phục vụ quốc phòng, an ninh (Điều 6); điều kiện đầu tư kinh doanh vũ khí quân dụng phục vụ quốc phòng, an ninh (Điều 7); điều kiện đầu tư kinh doanh trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh (Điều 8); điều kiện đầu tư kinh doanh công nghệ chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh (Điều 9).

- Nghị định số 16/2023/NĐ-CP quy định chính sách đối với doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng an ninh và người lao động tại doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh (Điều 7) và chính sách đối với doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh và người lao động tại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh (Điều 8).

*b) Đánh giá*

- Việc huy động tổ chức, doanh nghiệp tham gia sản xuất quốc phòng đã được quy định ở một số văn bản luật. Tuy nhiên, một số chính sách cho doanh nghiệp chưa đủ mạnh; một số quy định về đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp, quy định về bảo toàn, phát triển vốn,… chưa phù hợp, ảnh hưởng đến lợi nhuận cũng như xếp loại doanh nghiệp.

- Chưa có chính sách đủ mạnh để thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển CNQP, AN. Xu thế hiện nay cho thấy các doanh nghiệp của khu vực dân sinh đầu tư cho KHCN là tương đối lớn, đã mang lại nhiều kết quả tích cực, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ cao, lưỡng dụng; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam chiếm tỷ trọng lớn của nền kinh tế quốc dân, có công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiệm cận với tiến bộ khoa học kỹ thuật trên thế giới. Các thành phần kinh tế nêu trên cũng chưa thu hút được vào hoạt động CNQP, AN, nhất là vấn đề liên doanh, liên kết CNQP, AN với doanh nghiệp trong nước, nước ngoài còn hạn chế, tính pháp lý chưa rõ, khó thực hiện.

- Điều kiện, thủ tục tham gia hoạt động CNQP theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã hết hiệu lực theo quy định của Luật Đầu tư, trong khi CNAN chưa có quy định về nội dung này; các lĩnh vực hoạt động CNQP, AN cần huy động nguồn lực từ công nghiệp dân sinh chưa được phổ biến, mở rộng để thu hút nguồn lực.

*c) Đề xuất*

- Cần nghiên cứu, đề xuất một số cơ chế ưu đãi đủ mạnh để thu hút các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư cho sản xuất quốc phòng, an ninh. Đặc biệt là các lĩnh vực đặc thù nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược.

- Quy định trong Luật cho phép các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế của công nghiệp dân sinh tham gia hoạt động CNQP, AN, quy định phạm vi, lĩnh vực hoạt động CNQP, AN mà công nghiệp dân sinh tham gia; chính sách thu hút của Nhà nước đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (cả trong và ngoài nước) tham gia hoạt động CNQP, AN; quy định các điều kiện tham gia các hoạt động CNQP, AN.

***5. Về đất phục vụ công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh***

*a) Quy định pháp luật*

Hiến pháp năm 2013 quy định *“Nhà nước thu hồi đất do tổ chức, cá nhân đang sử dụng trong trường hợp thật cần thiết do luật định vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Việc thu hồi đất phải công khai, minh bạch và được bồi thường theo quy định của pháp luật.”* (khoản 3 Điều 54); *“Nhà nước trưng dụng đất trong trường hợp thật cần thiết do luật định để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc trong tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai.”* (khoản 4 Điều 54).

- Luật Đất đai năm 2013 quy định về việc thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh (Điều 61); quy định đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh (Điều 148).

- Luật Quốc phòng năm 2018 quy định về bảo đảm phục vụ quốc phòng trong lĩnh vực kinh tế - xã hội và đối ngoại (khoản 3 Điều 32).

- Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng năm 2008 quy định thẩm quyền lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ công nghiệp quốc phòng (Điều 19).

- Nghị Quyết 132/2020/QH14 ngày 17/11/2020 thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn động trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (Điều 3, Điều 4).

- Nghị định số 63/2020/NĐ-CP quy định chế độ quản lý, sử dụng đất của doanh nghiệp thuộc Bộ Công an được giao quản lý, vận hành các cơ sở công nghiệp an ninh (Điều 16).

- Nghị định số 26/2021/NĐ-CP quy định các trường hợp sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế không phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm (Điều 4) và các trường hợp sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế phải nộp tiền sử dụng đất hằng năm (Điều 5).

1. *Đánh giá:* Việc quy hoạch quỹ đất cho phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu vừa phục vụ nhiệm vụ thời bình, vừa nhiệm vụ thời chiến.

*c) Đề xuất*

- Cần phải quy hoạch đất phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch, đồng thời đảm bảo hành lang an toàn cho các cơ sở công nghiệp quốc phòng trong điều kiện đô thị hóa.

- Có cơ chế ưu tiên bố trí quỹ đất đảm bảo cho phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

**6. Về đầu tư nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược của công nghiệp quốc phòng**

1. *Quy định pháp luật*

- Luật Đầu tư công năm 2019 quy định nguyên tắc quản lý đầu tư công (Điều 12); nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án (Điều 51); thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án (Điều 17).

- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước (Điều 8).

- Luật Xây dựng năm 2014 quy định Chính sách khuyến khích trong hoạt động đầu tư xây dựng (Điều 10); phân loại dự án đầu tư xây dựng (Điều 49); lập, thẩm định dự án và quyết định đầu tư xây dựng (từ Điều 52 đến Điều 61); quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng (từ Điều 62 đến Điều 67).

- Luật Đấu thầu quy định về hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư (từ Điều 20 đến Điều 27); phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư (từ Điều 28 đến Điều 31).

1. *Đánh giá:* Các chương trình, dự án nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược đang thực hiện theo Luật Đầu tư công, Luật xây dựng, Luật Đấu thầu và các nghị định, thông tư liên quan; một số quy định về quản lý đầu tư, tài chính theo quy định tại các văn bản luật nêu trên khi áp dụng cho các chương trình, dự án nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược gặp một số khó khăn, không phù hợp với tính chất đặc thù của sản phẩm, tính bảo mật của những chương trình, dự án này.
2. *Đề xuất:* Cần nghiên cứu, đề xuất những cơ chế, chính sách đặc thù về quản lý đầu tư, tài chính phù hợp với việc triển khai các chương trình, dự án nghiên cứu, sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược.

**7. Về tổ chức lực lượng công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh**

1. *Quy định pháp luật*

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định về doanh nghiệp nhà nước (Điều 88) và cơ cấu tổ chức quản lý (Điều 90).

- Nghị định số 16/2023/NĐ-CP quy định cơ cấu tổ chức và chức danh quản lý của doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh (Điều 6).

1. *Đánh giá*

- Hệ thống cơ sở CNQP nòng cốt bố trí phân tán, quy mô nhỏ tại nhiều đơn vị của Quân đội nên tính quy tụ về đặc điểm công nghệ, sản phẩm chưa cao, khả năng đáp ứng yêu cầu đảm bảo tại chỗ khi tình huống xảy ra còn hạn chế. Điều này làm nảy sinh nhiều bất cập, nguồn lực đầu tư bị phân tán, trong khi nguồn vốn đầu tư từ NSNN hạn hẹp, gây khó khăn trong quá trình đầu tư phát triển, nhất là những sản phẩm vũ khí công nghệ cao lại đòi hỏi nguồn vốn lớn.

- Các doanh nghiệp an ninh vừa là đối tượng quản lý của các quy định nội bộ chuyên ngành thuộc Bộ Công an, vừa chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Các đơn vị nghiên cứu phục vụ phát triển CNAN chưa có cơ chế tạo nguồn lực để thúc đẩy chuyển đổi, chuyển giao công nghệ sản xuất.

1. *Đề xuất:* Cần quy định yêu cầu và các tiêu chí làm cơ sở pháp lý cho triển khai việc tái cơ cấu, sắp xếp các cơ sở công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh đảm bảo thích ứng với kinh tế thị trường.

- Tạo cơ sở pháp lý để kiện toàn đồng bộ cơ cấu ngành CNQP, CNAN từ cơ quan quản lý đến các cơ sở, đảm bảo tính khoa học, thực tiễn, tập trung, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý và triển khai hoạt động CNQP, CNAN, thực hiện nhiệm vụ ĐVCN.

- Nâng cao năng lực của các cơ sở CNQP nòng cốt để thích ứng với kinh tế thị trường; đảm bảo nguồn lực đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm; đảm bảo tính đồng bộ, gắn kết các khâu trong chu trình sản xuất vũ khí trang bị kỹ thuật.

**8. Về thúc đẩy khoa học công nghệ phục vụ công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh**

1. *Quy định pháp luật*

- Luật Khoa học và công nghệ 2013 quy định chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ (Điều 6); đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Điều 26, Điều 30); cơ chế đầu tư đặc biệt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt (Điều 54).

- Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019) quy định chính sách của Nhà nước về sở hữu trí tuệ (Điều 8); đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa bí mật kinh doanh (Điều 85); quyền sử dụng sáng chế nhân danh Nhà nước (Điều 133); căn cứ bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng đối với sáng chế (Điều 145).

- Luật Đấu thầu năm 2013 quy định dự án đầu tư phát triển[[16]](#footnote-16) của doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh (điểm b khoản 1 Điều 1).

- Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng năm 2008 quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ phục vụ công nghiệp quốc phòng (Điều 20); chính sách của Nhà nước đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt (Điều 21); chính sách của Nhà nước đối với cơ sở công nghiệp động viên (Điều 22); chính sách đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng (Điều 23).

- Nghị định số 95/2014/NĐ-CP quy định về khoán chi đến sản phẩm cuối cùng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Điều 15); khoán chi từng phần đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (Điều 16); sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ ngân sách nhà nước (Điều 17); mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Điều 18); khoán chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước (Điều 19).

- Nghị định số 63/2020/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách nghiên cứu khoa học, phát triển và chuyển giao công nghệ phục vụ công nghiệp an ninh (Điều 14).

1. *Đánh giá*

- Các quy định, quy trình quản lý thiết kế, công nghệ chế tạo vũ khí trang bị kỹ thuật chỉ có phạm vi áp dụng trong Bộ Quốc phòng chưa được luật hóa để áp dụng thống nhất chung cho các cơ sở công nghiệp quốc phòng nòng cốt, các cơ sở công nghiệp an ninh và cơ sở tham gia hoạt động nghiên cứu phục vụ CNQP, AN; chưa có quy định cụ thể về quản lý thiết kế, chế tạo vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, vật tư kĩ thuật nghiệp vụ áp dụng trong Bộ Công an.

- Quy định chính sách huy động nguồn lực từ các ngân sách và các Quỹ để phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ còn chưa đảm bảo.

- Chưa có cơ chế cụ thể để trích lại lợi nhuận từ sản xuất có ứng dụng kết quả nghiên cứu KHCN đưa vào tái đầu tư nghiên cứu khoa học và hoàn thiện công nghệ đối với sản phẩm VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

- Các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ là các dự án đầu tư phát triển và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu. Do đó, việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ tư vấn và phi tư vấn thực hiện theo quy định của của Luật Đấu thầu có thủ tục phức tạp, kéo dài thời gian nghiên cứu.

1. *Đề xuất*

- Cần có những quy định về quản lý thiết kế, công nghệ sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh; chính sách huy động nguồn lực từ các ngân sách và các Quỹ đảm bảo đầy đủ các khâu của quá trình phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

- Cần có cơ chế, chính sách đặc thù về thủ tục mua sắm sản phẩm, vật tư, bán thành phẩm… phục vụ nghiên cứu, phát triển VKTBKT, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ.

- Nghiên cứu, đề xuất hình thành các Quỹ để phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh.

**9. Về thực hiện chế độ, chính sách đối với cơ sở CNQP, cơ sở CNAN và người lao động**

*a) Quy định pháp luật*

- Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng năm 2008 quy định nhân lực phục vụ công nghiệp quốc phòng (Điều 17).

- Nghị định số 63/2020/NĐ-CP quy định nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp an ninh (Điều 17).

- Nghị định số 16/2023/NĐ-CP quy định chế độ, chính sách đối với người lao động trong doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh (khoản 2 Điều 7) và người lao động tại doanh nghiệp kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh (khoản 3, khoản 4 Điều 8).

- Nghị định số 63/2020/NĐ-CP quy định chính sách đối với người lao động tại cơ sở công nghiệp an ninh (khoản 2 Điều 11).

*b) Đánh giá*

Chế độ, chính sách đối với cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN và người lao động làm việc trong các cơ sở này đang được quy định tản mát ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật. Một số quy định khó áp dụng trong lĩnh vực CNQP.

*c) Đề xuất*

- Cần có cơ chế, chính sách phù hợp áp dụng cho các cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN và người lao động làm việc trong các cơ sở này khi triển khai thực hiện một số lĩnh vực đặc thù mà khi áp dụng các quy định hiện hành sẽ gặp khó khăn.

- Cơ chế, chính sách đầu tư của Nhà nước đối với các cơ sở CNQP, cơ sở CNAN đóng quân trên địa bàn khó khăn.

- Cơ chế mua sắm các sản phẩm đặc thù mà khi áp dụng theo cơ chế hiện hành khó bảo đảm bù đặp chi phí.

- Chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước cho các cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

## 10. Về triển khai chuẩn bị và thực hành động viên công nghiệp

*a) Quy định pháp luật*

* Luật Quốc phòng năm 2018 quy định động viên công nghiệp là nội dung của động viên quốc phòng (điểm d khoản 2 Điều 11).
* Pháp lệnh Động viên công nghiệp năm 2003 quy định nội dung quản lý nhà nước về động viên công nghiệp (Điều 32, Điều 33); chính sách cho doanh nghiệp trong chuẩn bị động viên công nghiệp (Điều 27), trong thực hành động viên công nghiệp (Điều 28); chế độ đối với người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp (Điều 29); bảo đảm ngân sách cho nhiệm vụ động viên công nghiệp (Điều 30, Điều 31).
* Nghị định số 132/2004/NĐ-CP quy định đối tượng doanh nghiệp thuộc phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh Động viên công nghiệp năm 2003 (Điều 1).

*b) Đánh giá*

Pháp lệnh Động viên công nghiệp chỉ tập trung chủ yếu vào các doanh nghiệp nhà nước; quy định về đối tượng sử dụng các sản phẩm ĐVCN còn chưa phù hợp; các quy định về chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động được đảm bảo khi tham gia động viên công nghiệp còn chưa phù hợp với tính chất nhiệm vụ được giao; việc phân giao trách nhiệm trong quản lý thực hiện nhiệm vụ ĐVCN còn chưa đáp ứng với thay đổi trong thực tiễn.

*c) Đề xuất*

- Cần mở rộng phạm vi đối tượng và quy định về chế độ, chính sách đối với doanh nghiệp và người lao động khi tham gia động viên công nghiệp phù hợp đảm bảo huy động được tối đa nguồn lực đất nước cho quốc phòng.

- Cần có những quy định để hoàn thiện phương thức thực hiện động viên công nghiệp theo hướng bổ sung hình thức đặt hàng, đấu thầu.

- Phân định rõ trách nhiệm của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý trong thực hiện nhiệm vụ ĐVCN;

- Quy định các cơ chế, chính sách đối với doanh nghiệp tham gia ĐVCN phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

**11. Về triển khai hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh**

*a) Quy định pháp luật*

- Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 quy định về quyền tự do kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu (Điều 5); biện pháp cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu (Điều 9); danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu (Điều 10).

- Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 quy định về nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sửa chữa vũ khí (Điều 17); việc xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp (khoản 4 Điều 37); xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ (khoản 4 Điều 46); việc xuất khẩu, nhập khẩu công cụ hỗ trợ (khoản 3 Điều 52); hợp tác quốc tế về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ là một nội dung thuộc quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ (khoản 10 Điều 72).

- Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng năm 2008 quy định nguyên tắc, nội dung hợp tác quốc tế về công nghiệp quốc phòng (Điều 5).

- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu (Điều 4); hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu (Điều 5).

- Nghị định số 79/2018/NĐ-CP quy định về điều kiện, thủ tục đối với tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí (Điều 9) và tổ chức, doanh nghiệp khác (Điều 10).

*b) Đánh giá:* Hợp tác quốc tế về nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghiệp quốc phòng, an ninh được quy định rời rạc tại một số văn bản luật. Trong đó các quy định về thẩm quyền quyết định danh mục sản phẩm xuất khẩu sản phẩm công nghiệp quốc phòng, an ninh còn chưa rõ ràng, khó thực hiện.

*c) Đề xuất:* Nghiên cứu, thống nhất hoàn thiện danh mục các sản phẩm công nghiệp quốc phòng, an ninh được phép xuất khẩu. Đặc biệt là những vũ khí trang bị kỹ thuật chiến lược (tên lửa, máy bay chiến đấu không người lái hoặc có người lái, bom có điều khiển,…) có thể xuất khẩu, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trên cơ sở danh mục được phê duyệt, đề nghị cơ chế cho phép Bộ Quốc phòng quyết định việc xuất khẩu.

# III. KIẾN NGHỊ TỔNG THỂ

Xây dựng Luật CNQP, AN và ĐVCN chứa đựng các quy định bao quát, tổng thể các hoạt động CNQP, CNAN và ĐVCN đáp ứng yêu cầu phát triển ngành, lĩnh vực.

* ***Mục tiêu***:Hoàn thiện các cơ chế, chính sách đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển CNQP, AN và ĐVCN trước mắt và lâu dài, tập trung vào các nội dung: Nguồn vốn cho đầu tư; nghiên cứu phát triển vũ khí trang bị kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ công nghệ cao, công nghệ lưỡng dụng; thu hút, gìn giữ nguồn nhân lực chất lượng cao, khuyến khích nhân tài phục vụ xây dựng và phát triển CNQP, AN; triển khai các dự án đầu tư, nghiên cứu phát triển sản phẩm mũi nhọn; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN, cơ sở ĐVCN.
* ***Phạm vi điều chỉnh***:Luật CNQP, AN và ĐVCN quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, hoạt động và chế độ, chính sách đối với CNQP, CNANvà ĐVCN; chuẩn bị và thực hành ĐVCN; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Trong bối cảnh hệ thống pháp luật hiện hành đã có quy định liên quan điều chỉnh CNQP, AN và ĐVCN, dự án Luật CNQP, AN và ĐVCN không thay thế các Luật hiện hành mà sẽ bổ khuyết vào những khoảng trống pháp luật, bổ sung những quy định phù hợp với tính đặc thù của ngành, lĩnh vực, tạo hành lang pháp lý cho phát triển CNQP, AN và ĐVCN

Trên đây là Báo cáo của Bộ Quốc phòng về kết quả rà soát bước đầu các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật CNQP, AN và ĐVCN./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên (35b);  - Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);  - Uỷ ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội;  - Uỷ ban Pháp luật của Quốc hội;  - Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Tư pháp;  - Văn phòng Chính phủ;  - Tổng cục CNQP (04b);  - Vụ pháp chế/BQP;  - Cục PC và CCHC, TP/BCA;  - Lưu: VT, CNQP. S50b. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Thượng tướng Phạm Hoài Nam** |

1. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 16/7/2011; Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 26/01/2022 về xây dựng và phát triển CNQP; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về “*Chiến lược Quốc phòng Việt Nam*”; Kết luận số 142-TB/TW ngày 08/8/2013 của Bộ Chính trị về Đề án “*Chiến lược phát triển CNAN giai đoạn 2013-2020 và định hướng 2030*”,... [↑](#footnote-ref-1)
2. Văn bản cao nhất là Nghị định số 63/2020/NĐ-CP ngày 08/6/2020 quy định về CNAN. [↑](#footnote-ref-2)
3. Luật Quốc phòng năm 2018 và Luật Công an nhân dân năm 2018 về nội dung CNQP, an ninh; Luật Doanh nghiệp năm 2014 về quản lý, cung cấp thông tin doanh nghiệp; Luật Đầu tư công năm 2019 về sử dụng và quản lý vốn đầu tư công; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 về lập, chấp hành ngân sách nhà nước (NSNN); Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ; Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2019 quy định liên quan đến đăng ký, sử dụng, chuyển giao thông tin, tài liệu, sáng chế; Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2016 quy định tuyển dụng, tuyển chọn, chế độ chính sách đối với quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng… [↑](#footnote-ref-3)
4. *“Pháp lệnh này quy định nguyên tắc xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng; nhiệm vụ, tổ chức hoạt động công nghiệp quốc phòng; quy hoạch, nguồn lực xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng; chính sách đối với công nghiệp quốc phòng; quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý và thực hiện nhiệm vụ công nghiệp quốc phòng”* [↑](#footnote-ref-4)
5. *“Động viên công nghiệp là huy động một phần hoặc toàn bộ năng lực sản xuất, sửa chữa của doanh nghiệp công nghiệp ngoài lực lượng vũ trang để sản xuất, sửa chữa trang bị cho Quân đội.*

   *Động viên công nghiệp được chuẩn bị từ thời bình và thực hành động viên trong trường hợp động viên cục bộ, tổng động viên và trong chiến tranh”* [↑](#footnote-ref-5)
6. “Nghị định này quy định chi tiết thi hành Điều 34 Luật Công an nhân dân năm 2018 về công nghiệp an ninh, bao gồm nguyên tắc xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh; nhiệm vụ, tổ chức, hoạt động công nghiệp an ninh; chính sách, cơ chế đặc thù và chương trình, kế hoạch xây dựng, phát triển công nghiệp an ninh; hợp tác quốc tế về công nghiệp an ninh; quản lý nhà nước về công nghiệp an ninh; quyền hạn và trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan, tổ chức có liên quan trong quản lý và thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển công nghiệp an ninh” [↑](#footnote-ref-6)
7. “1. Doanh nghiệp công nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định này gồm các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cơ khí, luyện kim, hoá chất và điện tử.

   2. Động viên công nghiệp không áp dụng đối với doanh nghiệp công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gồm:

   a) Doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp liên danh, doanh nghiệp cổ phần (doanh nghiệp do một bên hoặc nhiều bên là Việt Nam và một bên hoặc nhiều bên là nước ngoài hợp tác thành lập tại Việt Nam);

   b) Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài.” [↑](#footnote-ref-7)
8. Cụ thể: Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn: “*đề xuất, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và các chương trình, dự án khác trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định*”; “*Quyết định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và các chương trình, dự án khác theo thẩm quyền*” (khoản 1 và khoản 2 Điều 7), *“Phát triển Công nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo đảm trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân, thực hiện chính sách ưu đãi, bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, chiến sỹ, công nhân, viên chức quốc phòng và chính sách hậu phương quân đội”* (khoản 5 Điều 18); Thủ tướng Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn “*Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các văn bản pháp luật và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và các dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ”; “Lãnh đạo, chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các quy định của pháp luật và các chương trình, kế hoạch, chiến lược của Chính phủ trên các lĩnh vực quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng, an ninh*” (điểm b và điểm đ khoản 1 Điều 28) [↑](#footnote-ref-8)
9. *“Chính phủ chỉ đạo xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề án để phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang nhân dân và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc”* (khoản 3 Điều 12) [↑](#footnote-ref-9)
10. “*Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Bộ, ngành, vùng, địa phương, các dự án quan trọng quốc gia, khu vực biên giới, hải đảo, địa bàn chiến lược phải kết hợp với quốc phòng, phù hợp với chiến lược bảo vệ Tổ quốc*” (Điểm b khoản 2 Điều 15). [↑](#footnote-ref-10)
11. *“Nhà nước có quy hoạch, kế hoạch và xây dựng hệ thống các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng, an ninh; hệ thống trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng; kế hoạch xây dựng khu kinh tế - quốc phòng trong phạm vi cả nước.”* (khoản 3 Điều 32) [↑](#footnote-ref-11)
12. “*Phát triển khoa học và công nghệ để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân, Công nghiệp quốc phòng, an ninh đáp ứng nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.”*

    *…4. Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên, công khai, minh bạch; ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường, quản lý rủi ro về môi trường, giảm thiểu phát sinh, chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải*” [↑](#footnote-ref-12)
13. *“Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật; phát triển Công nghiệp quốc phòng, an ninh, khoa học, công nghệ quân sự; huy động tiềm lực khoa học, công nghệ của Nhà nước và Nhân dân phục vụ quốc phòng; ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ quân sự phù hợp để xây dựng đất nước”* (điểm c khoản 2 Điều 7); *“Kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng; kết hợp quốc phòng với an ninh, đối ngoại”* (điểm i khoản 2 Điều 7) [↑](#footnote-ref-13)
14. *“Nhà nước có chính sách, cơ chế đặc thù, xây dựng Công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia; tăng cường tiềm lực, tận dụng và phát triển liên kết Công nghiệp quốc phòng, an ninh và công nghiệp dân sinh; huy động tối đa thành tựu của nền công nghiệp quốc gia phục vụ Công nghiệp quốc phòng, an ninh; đầu tư có trọng điểm cho vũ khí, trang bị công nghệ cao; phát huy nội lực kết hợp với mở rộng hợp tác quốc tế.”* (khoản 2 Điều 12) [↑](#footnote-ref-14)
15. *“Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng được nghiên cứu, sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ phục vụ quốc phòng, an ninh theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng. Danh mục sản phẩm, dịch vụ phục vụ quốc phòng, an ninh do Chính phủ quy định”* (khoản 2 Điều 10)

    *Điều kiện, thủ tục tham gia hoạt động công nghiệp quốc phòng của tổ chức, cá nhân quy định tại Điều này do Thủ tướng Chính phủ quy định”* (khoản 3 Điều 10) [↑](#footnote-ref-15)
16. *“Dự án đầu tư phát triển (sau đây gọi chung là dự án) bao gồm: chương trình, dự án đầu tư xây dựng mới; dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng các dự án đã đầu tư xây dựng; dự án mua sắm tài sản, kể cả thiết bị, máy móc không cần lắp đặt; dự án sửa chữa, nâng cấp tài sản, thiết bị; dự án, đề án quy hoạch; dự án, đề tài”* (khoản 1 Điều 4 Luật Đấu thầu). [↑](#footnote-ref-16)